

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA**
Tỉnh Long An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2019/DSST

Ngày: 11/10/2019

V/v Hợp đồng vay tài sản và góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nhị

Bà Lê Thị Thanh Giang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An: công chức
tòa án nhân dân Huyện Thủ Thừa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa: Bà Nguyễn Kim
Thoa: Kiểm sát viên

Từ ngày 10 đến ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân
huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm vụ án số: 66/2019/DSST ngày 19 tháng 02
năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/QĐXX - ST ngày
19/8/2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà N, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Long An

Bị đơn: Bà T, sinh năm 1966

Ông C, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Bà Nương, bà T, ông C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2019 và các văn bản trong quá trình tố
tụng giải quyết vụ án nguyên đơn bà N trình bày: Bà làm chủ nhiều dây hụi
cụ thể như sau:

Dây hụi 1: Vào ngày 30/8/2016 âm lịch, bà có làm chủ dây hụi mùa
5.000.000 đồng, một năm mở 3 lần, gồm có 18 hụi viên. Ông C tham gia 2
phần tên trong phiếu hụi số thứ tự là số 5, số 6. Ông C đã hốt hụi xong hai
phần. Bà đã trực tiếp giao hụi cho ông C lần 1 là 48.620.000 đồng; Lần 2 là
47.320.000 đồng sau khi trừ tiền huê hồng. Ông Cảnh, bà T có làm biên
nhận ký tên thì còn phải đóng lại 12 lần. Ông C có đóng hụi tuy nhiên tính
đến thời điểm thụ lý vụ án bà T, ông C nợ lại một lần không đóng là
10.000.000 đồng.

Dây hụi 2 : Vào ngày 15/4/2017 âm lịch bà làm chủ dây hụi 5.000.000 đồng, gồm 15 hụi viên. Cảnh tham gia 3 phần. Hụi mở một năm 3 lần cụ thể : ngày 15/4; ngày 15/8; ngày 15/12. Bà T, ông C đã hốt 3 phần hụi. Bà đã giao hụi cho ông C, bà T đầy đủ. Sau khi hốt hết các phần hụi 95 thì bà T, ông C có ký nhận còn lại 12 lần chưa đóng. Còn nợ lại 5.000.000 đồng

Dây hụi 3 : Vào ngày 15/3/2016 âm lịch bà làm chủ dây hụi 10.000,000 đồng, gồm 20 hụi viên. Một năm mở 3 lần. Cảnh tham gia 2 phần đã hốt. Cảnh hốt hụi vào ngày 30/4/2017 và vào ngày 30/11/2017. Bà đã giao hụi đầy đủ cho ông C. Sau khi hốt hụi thì ông C, bà T có ký tên còn phải đóng lại 13 người. Tính đến ngày thụ lý vụ án thì Cảnh còn nợ lại 20.000.000 đồng

Dây hụi 4: Vào ngày 15/02/2018 bà tham gia chơi hụi 10.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Đáp làm chủ. Bà đã hốt hụi nhưng bà T, ông C xin nhường lại phần hụi này thì bà cũng đồng ý và đưa cho bà T, ông C hốt hụi với số tiền 86.000.000 đồng. Việc thỏa thuận này chỉ mình bà, với bà T, ông C biết chứ bà Nguyễn Thị Đáp không biết và hàng tháng thì bà T, ông C đóng hụi chết cho bà thì bà đem đóng tiền hụi lại cho bà Đáp Khi giao tiền hụi cho bà T, ông C thì các bên có làm giấy cam kết đóng lại 14 lần hụi . Tính đến thời điểm xét xử thì bà T, ông C còn nợ lại tiền hụi 40.000.000 đồng.

Dây hụi 5: Vào ngày 05/8/2017 âm lịch bà có làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng, gồm 24 hụi viên. Ông C, bà Thủy tham gia 3 phần . Cảnh đã hốt và còn đóng lại 8 lần . Bà T, ông C có ký nhận . Tính đến ngày thụ lý vụ án thì bà T, ông Cảnh còn nợ lại 18.000.000 đồng

Dây hụi 6: Vào ngày 15/3/2017 âm lịch , bà có làm chủ dây hụi 1.000.000 đồng, gồm 20 hụi viên. Ông C tham gia 3 phần còn nợ lại 3.000.000 đồng. Dây hụi này bà T, ông C đã hốt nhưng không có biên nhận ký nhận và bà cũng không lưu giữ giấy hụi.

Dây hụi 7: Vào ngày 20/10/2017, bà làm chủ dây hụi 3.000.000 đồng, gồm 22 phần. Ông C tham gia một phần . Ông C đã hốt hụi vào ngày 23/3/2018 âm lịch. Ông C, bà Thủy có ký nhận còn đóng lại 16 lần. Tính đến ngày thụ lý vụ án thì bà T, ông C còn nợ lại 12.000.000 đồng

Dây hụi 8: Vào ngày 20/6/2017 âm lịch, bà làm chủ dây hụi 5.000.000 đồng gồm 18 hụi viên. Sau khi hốt hụi thì Thủy C anh còn nợ lại 11 tháng tiền hụi là 2 phần. Bà T, ông C có ký tên nhận hụi. Tính đến ngày thụ lý vụ án bà T, ông C còn nợ lại 20.000.000 đồng

Bà yêu cầu bà T và ông C phải liên đới trả cho bà số tiền hụi 128.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu vợ ông C trả nợ.

Đối với số tiền vay: Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 20/7/2018 âm lịch bà T và ông C có hỏi mượn bà số tiền 61.000.000 đồng. Bà T, ông C có ký giấy nhận tiền, không thỏa thuận lãi suất, hạn 3 tháng trả

Ngày 09/9/2018 bà T, ông C có mượn 20.600.000 đồng. Bà T, ông C có ký nhận ngày 09/9/2018, không thỏa thuận lãi suất, hạn 3 tháng trả.

Ngày 09/9/2018 bà T, ông C có mượn 20.000.000 đồng. Bà T, ông C có ký nhận ngày 09/9/2018, không thỏa thuận lãi suất, hạn 3 tháng trả.

Bà yêu cầu ông C, bà T phải liên đới trả cho bà 101.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu vợ ông C trả nợ.

Bị đơn bà T và ông C trình bày: ông bà thừa nhận có nợ tiền bà Nương 61.000.000 đồng, nhưng số tiền nợ này bà Nương đã lấy lãi nhiều là 5.000 đồng /1.000.000 đồng/ ngày. Việc trả tiền lãi không làm giấy tờ chỉ đưa tiền cho bà Nương. Ông bà thừa nhận chữ ký trong các biên nhận là chữ ký của ông bà. Ông bà đã trả rất nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể thời gian và cũng không nhớ số tiền trả là bao nhiêu. Sau này thì bà Nương không lấy lãi nữa. Ngoài ra ông bà không còn nợ khoản tiền nào khác.

Về tiền hụi: Ông bà thừa nhận có tham gia rất nhiều dây hụi do bà N làm chủ, không nhớ rõ từng dây hụi. Thời gian tham gia hụi là từ năm 2015. Các dây hụi, ông bà đã hốt hụi và được bà Nương giao tiền hụi đầy đủ. Các dây hụi có dây kết thúc, có dây chưa kết thúc. Ông bà cũng không nhớ nợ tiền hụi bà Nương là bao nhiêu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Đình Chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về dây hụi 1.000.0000 đồng mở vào ngày 15/3/2017 âm lịch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa bà N và bà T, ông C là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi. Tại phiên tòa nguyên đơn không thay đổi yêu cầu khởi kiện và các bên không thỏa thuận được. Tại biên bản họp công bố chứng cứ ngày 06/3/2018 bà Nương, bà T, ông C cùng thống nhất. Các bên không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Nội dung vụ án: Bà N cho rằng từ năm 2016 âm lịch bà có làm chủ rất nhiều dây hụi, cụ thể dây hụi mùa 5.000.000 đồng mở ngày 30/8/2016 âm lịch; Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 15/4/2017 âm lịch; Dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 15/3/2016 âm lịch; Dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 15/02/2018 âm lịch; Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 05/8/2017 âm lịch; Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/3/2017 âm lịch; Dây hụi 3.000.000 đồng mở ngày 20/10/2017; Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 20/6/2017 âm lịch. Các dây hụi có dây hụi chưa kết thúc, có dây hụi đã kết thúc. Bà T, ông C đã tham gia các dây hụi của bà Nương và đã hốt hụi. Các lần hốt hụi và còn nợ tiền hụi thì bà T, ông C có ký tên, ghi rõ họ tên về việc hốt hụi và còn nợ lại bao nhiêu phần tiền hụi của từng dây hụi. Cụ thể biên nhận ngày

15/7/2018 âm lịch bà T ông C có ký nhận hốt dây hụi 2.000.000 đồng bỏ vào ngày mùng 5 hàng tháng , Cảnh đã hốt lần thứ 5 ngày 15/12/2017 âm lịch còn đóng lại 8 phần; Dây hụi 5.000.000 đồng mở hụi ngày 20/11/2017 âm lịch, gom hụi ngày 30/11/2017 âm lịch còn đóng lại 11 tháng ; Dây hụi 2.000.000 đồng còn đóng lại 8 lần; Dây hụi 10.000.000 đồng bỏ vào ngày mùng 10 tháng 12/2017, gom hụi ngày 18 âm lịch, ngày nhận tiền là ngày 20/12/2017 âm lịch còn đóng lại 14 người; Dây hụi 5.000.000 đồng, hốt ngày 30/11/2017 âm lịch, hốt vào tháng thứ 3 còn đóng lại 12 lần; Hốt dây hụi 10.000.000 đồng còn đóng lại 15 lần; Dây hụi 5.000.000 đồng còn đóng lại 12 người ; Dây hụi 3.000.000 đồng còn đóng lại 16 lần. Tất cả các lần hốt hụi bà T, ông C đều ký tên. Tính đến ngày thụ lý vụ án ngày 19/02/2019 thì bà T, ông C còn nợ lại bà Nương số tiền 128.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai ngày 07/8/ 2019 và tại phiên tòa bà T và ông C thừa nhận có tham gia của bà N rất nhiều dây hụi từ những năm 2015. Cụ thể từng dây hụi thì ông C, bà T có trực tiếp tham gia chơi hụi và đã hốt hụi xong có ký nhận trong các lần hốt hụi nhưng không nhớ là còn nợ bà Nương bao nhiêu tiền. Còn dây hụi 10.000.000 đồng là hụi của bà Nguyễn Thị Đáp thì bà Nương trực tiếp tham gia, khi hốt hụi thì bà Nương có nhường lại cho bà T, ông Cảnh hốt hụi và đóng hụi lại cho bà Nương thì bà Nương đem đóng hụi cho bà Đáp. Việc bà T, bà Nương ông C thỏa thuận thì bà Đáp không biết. Thuy nhiên bà T, ông C thừa nhận có nhận tiền hụi đầy đủ khi hốt hụi bà Đáp là 86.000.000 đồng. Bà T, ông C cho rằng có đóng hụi lại nhưng đã đóng hụi xong và không nhớ nợ bao nhiêu tiền hụi. Như vậy bà T, ông C có hốt hụi và đã nhận đủ tiền từ bà Nương giao nhưng không đóng lại hụi cho bà Nương và cũng không biết nợ bà Nương là bao nhiêu. Tại tòa án thì dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/3/2017 âm lịch bà T, ông C còn nợ 3.000.000 đồng. Bà Nương không có giấy tờ hay tài liệu nào cung cấp cho Tòa án để chứng minh là ông C , bà T còn nợ 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Nương xin rút toàn bộ yêu cầu phần tiền 3.000.000 đồng vì giấy tờ hiện không còn lưu giữ nên không yêu cầu giải quyết. Bà Nương yêu cầu bà T, ông C phải liên đới trả 125.000.000 đồng tiền hụi từ những dây hụi còn nợ lại như dây hụi 5.000.000 đồng mở vào ngày 30/8/2016 còn nợ 10.000.000 đồng; Dây hụi 5.000.000 đồng mở vào ngày 15/4/2017 nợ lại 5.000.000 đồng; Dây hụi 10.000.000 đồng mở vào ngày 15/3/2016 nợ lại 10.000.000 đồng; Dây hụi 10.000.000 đồng của bà Nương nhường lại từ dây hụi của bà Đáp là 40.000.000 đồng; Dây hụi 2.000.000 đồng mở vào ngày 05/8/2017 nợ lại 18.000.000 đồng; Dây hụi 3.000.000 đồng mở vào ngày 20/10/2017 nợ lại 12.000.000 đồng; Dây hụi 5.000.000 đồng mở vào ngày 20/6/2017 nợ lại 20.000.000 đồng là có cơ sở nên buộc bà T , ông C phải liên đới trả cho bà Nương số tiền 125.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu của bà Nương về việc yêu cầu bà T, ông C trả 3.000.000 đồng của dây hụi 1.000.000 đồng ngày 15/3/2017.

Còn phần tiền vay ngày 20/7/2018 âm lịch bà T và ông C có hỏi mượn số tiền 61.000.000 đồng. Bà T, ông C có ký giấy nhận tiền, không thỏa thuận lãi suất. Ngày 09/9/2018 bà T, ông C có mượn 20.600.000 đồng. Bà T, ông C có ký nhận ngày 09/9/2018, không thỏa thuận lãi suất. Ngày 09/9/2018 bà T, ông C có mượn 20.000.000 đồng. Bà T, ông C có ký nhận ngày 09/9/2018, không thỏa thuận lãi suất. Bà Nưng yêu cầu ông C, bà T phải liên đới trả cho bà 101.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà T, ông C có thừa nhận nợ nhưng đã trả nợ xong. Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ ông C, bà T có ký nhận nợ có ký tên nhưng không đưa ra chứng cứ nào chứng minh cho việc là trả nợ cho bà Nưng nên buộc bà T, ông C phải liên đới trả 101.600.000 đồng. Bà Nưng không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết. Bà Nưng không yêu cầu vợ ông C trả nợ nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nưng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điều 26, điều 35, 147, 217, 218, 219, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 463, 466, 468, 469, 471 Bộ luật dân sự; điều 29 Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 Chính phủ

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với bà T và ông C về việc “Hợp đồng vay tài sản và góp hụi”

Buộc bà T và ông C phải liên đới trả cho bà N số tiền hụi 125.000.000 đồng và 101.600.000 đồng tiền vay.

Đình chỉ yêu cầu của bà N về việc yêu cầu bà T, ông C trả số tiền 3.000.000 đồng của dây hụi5 ngày 15/3/2016.

Từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà T và ông C phải liên đới chịu 11.330.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nưng không phải chịu tiền án phí, hoàn trả cho bà Nưng tiền tạm ứng án phí 5.740.000 đồng theo biên lai số 0001516 đã nộp ngày 12/02/2019 tại Chi Cục thi hành án huyện Thủ Thừa, Long an

3/ Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND huyện,tỉnh
- THADS-
- Các đương sự
- Lưu HS,án văn

Phạm Thị Tơ

